

ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - LUẬT
VIỆN NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN
CÔNG NGHỆ NGÂN HÀNG

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ MỨC ĐỘ LÀNH MẠNH TÀI CHÍNH CỦA CÁC NGÂN HÀNG TRONG ĐẠI DỊCH

NGUYỄN THỊ HỒNG VÂN – TRẦN HÙNG SƠN

Dưới tác động tiêu cực do đại dịch Covid-19, nền kinh tế thế giới rơi vào suy thoái trầm trọng. Nền kinh tế Việt Nam cũng bị ảnh hưởng ở một mức độ nhất định, tuy nhiên vẫn duy trì tăng trưởng với tốc độ tăng GDP năm 2020 đạt 2,91%. Trong đó, tốc độ tăng trưởng của hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm tăng 6,87% (Tổng cục thống kê, 2021).¹ Ngoài việc cố gắng duy trì hiệu quả hoạt động, hệ thống ngân hàng còn tham gia vào quá trình hỗ trợ khách hàng ứng phó đại dịch theo thông tư 01/2020/TT-NHNN ngày 13/3/2020 và chỉ thị 02/CT-NHNN ngày 31/3/2020 của Ngân hàng Nhà nước. Bên cạnh đó, hệ thống ngân hàng Việt Nam năm 2020 còn chịu áp lực điều chỉnh lại cơ cấu tài sản và nguồn vốn theo chuẩn Basel II và Thông tư số 41/2016/TT-NBHHN. Báo cáo này tập trung phân tích tình hình hoạt động kinh doanh của các ngân hàng trong năm 2020, sau một năm chịu ảnh hưởng của đại dịch Covid-19. Ngoài ra, báo cáo này cũng đánh giá sức khỏe tài chính của các ngân hàng theo khung CAMELS, trong đó báo cáo cũng so sánh sức khỏe tài chính của nhóm các ngân hàng có tầm quan trọng hệ thống theo Quyết định số 397/QĐ-NHNN với các ngân hàng còn lại.

1. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC NGÂN HÀNG NĂM 2020

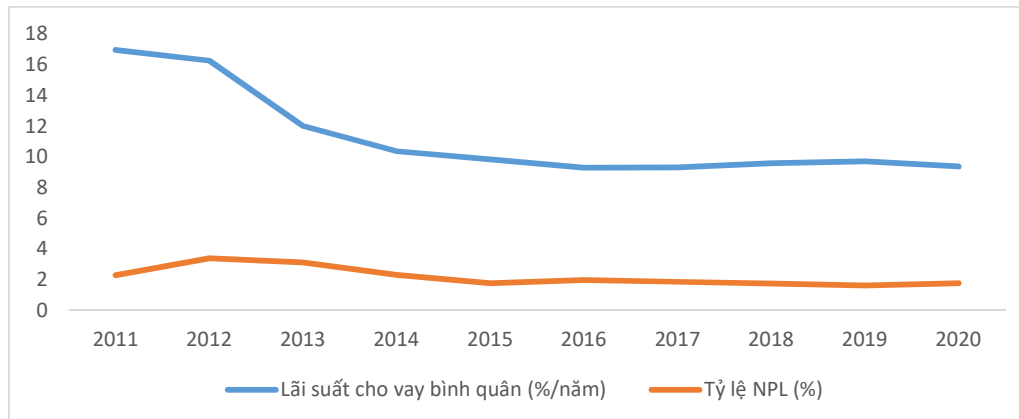
Dưới tác động tiêu cực của đại dịch Covid-19, hệ thống ngân hàng được giao nhiệm vụ hỗ trợ doanh nghiệp và khách hàng cá nhân khôi phục sản xuất kinh doanh theo thông tư 01/2020/TT-NHNN ngày 13/3/2020 và chỉ thị 02/CT-NHNN ngày 31/3/2020 của Ngân hàng Nhà nước. Cụ thể, các ngân hàng điều chỉnh giảm lãi suất cho vay, cụ thể lãi suất cho vay bình quân trong năm 2020 là 9,39%, giảm nhẹ so với mức bình quân 9,72% trong năm 2019 (Hình 1).²

Ngoài việc điều chỉnh lại lãi suất, hệ thống ngân hàng Việt Nam còn triển khai cơ cấu lại thời hạn trả nợ. Việc cơ cấu nợ này tuy giúp khách hàng vay vốn giảm bớt áp lực trả nợ, nhưng sẽ ảnh hưởng rất tiêu cực đến tình trạng nợ xấu thực tế của hệ thống ngân hàng. Hình 1 cho thấy tỷ lệ nợ xấu của ngân hàng năm 2020, mặc dù sau khi được cơ cấu lại thời hạn trả nợ cho khách hàng, đang có xu hướng tăng lên so với hai năm liền kề trước. Đồng thời, tỷ lệ trích lập dự phòng các khoản cho vay khách hàng có sự tăng nhẹ lên từ 1,17 năm 2019 lên 1,2 năm 2020.

¹ [Kinh tế Việt Nam 2020: một năm tăng trưởng đầy bản lĩnh – General Statistics Office of Vietnam \(gso.gov.vn\)](https://gso.gov.vn)

² Số liệu được cung cấp bởi Vietdata, dựa trên báo cáo tài chính của 28 ngân hàng TMCP Việt Nam

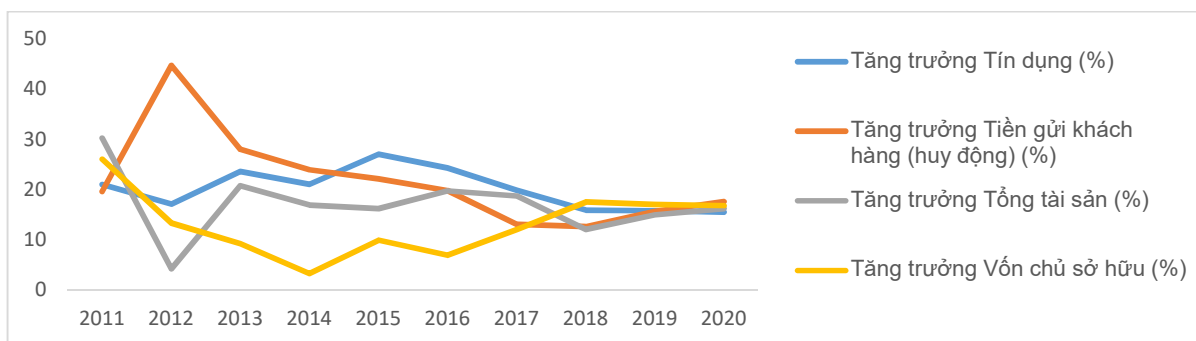
Hình 1. Lãi suất cho vay bình quân và tỷ lệ nợ xấu của ngân hàng Việt Nam giai đoạn 2011-2020



Nguồn: Vietdata

Năm 2020, tuy tăng trưởng huy động tiền gửi tăng nhẹ, nhưng tăng trưởng tín dụng lại giảm so với năm 2019. Phần lớn nguyên nhân là do tác động của đại dịch Covid-19, khiến khách hàng cá nhân và doanh nghiệp thu hẹp hoạt động sản xuất, kinh doanh, và giảm nhu cầu vay vốn. Điều này kéo theo sự sụt giảm biên lãi ròng, và tỷ suất sinh lợi của ngân hàng (Hình 2).

Hình 2. Tăng trưởng tài sản và nguồn vốn ngân hàng giai đoạn 2011-2020

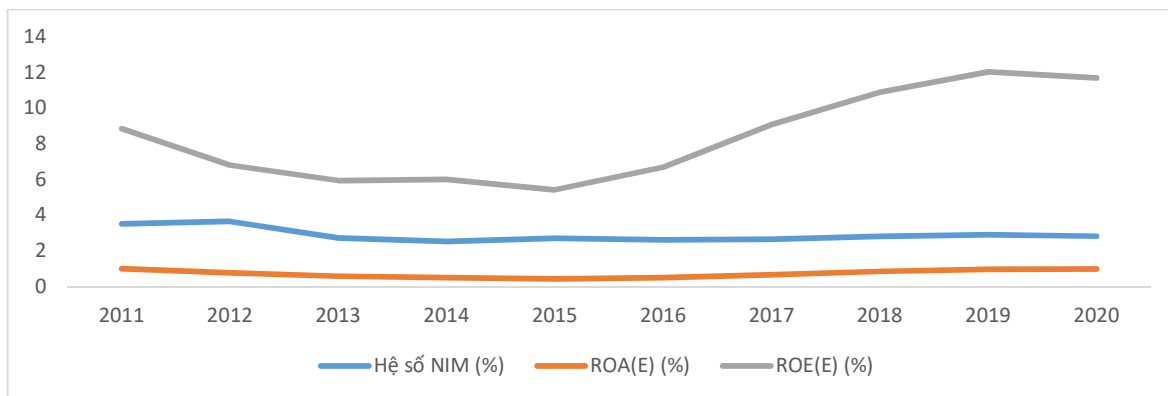


Nguồn: Vietdata

Bên cạnh những khó khăn do đại dịch gây ra, hệ thống ngân hàng Việt Nam còn phải tiến hành điều chỉnh, chuyển đổi để đạt được những yêu cầu về đảm bảo an toàn vốn, kiểm soát rủi ro theo Thông tư số 41/2016/TT-NHNN và Hiệp ước Basel II. Kết quả cho thấy, tổng tài sản của hệ thống ngân hàng Việt Nam tăng 16,22% so với năm 2019, đồng thời vốn chủ sở hữu năm 2020 cũng tăng 16,78% so với năm 2019, nhưng tốc độ tăng vốn chủ sở hữu bị sụt giảm so với tốc độ tăng năm 2019 (Hình 2). Đến cuối năm 2020,

hầu hết các ngân hàng đã áp dụng các yêu cầu về đảm bảo an toàn vốn của NHNN, trong đó có 7 ngân hàng đã hoàn thành cả 3 trụ cột của Basel II. Về khả năng sinh lời, nhìn chung tỷ suất sinh lợi của ngân hàng năm 2020 có giảm nhẹ (Hình 3).

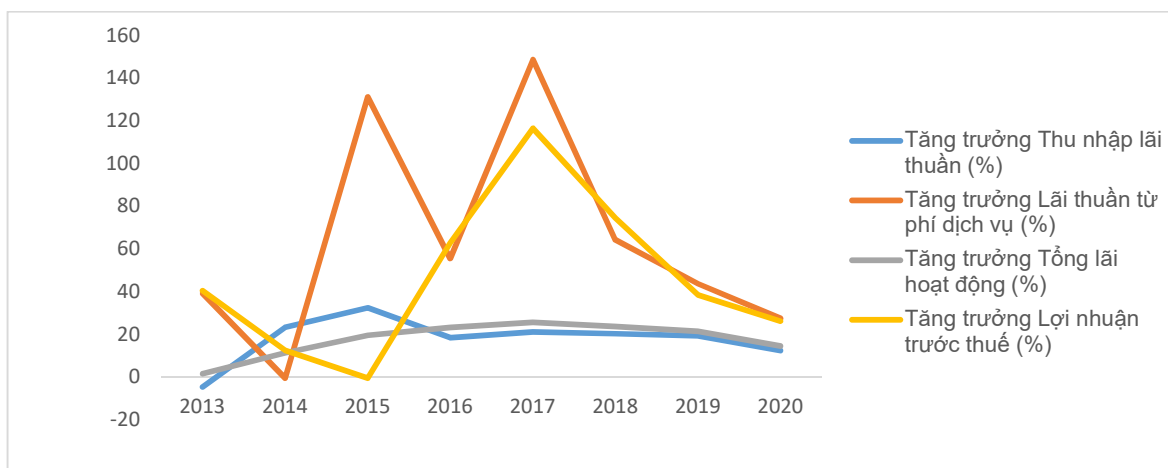
Hình 3. Tỷ suất sinh lời ngân hàng Việt Nam giai đoạn 2011-2020



Nguồn: Vietdata

Hình 4 cho thấy tốc độ tăng trưởng lợi nhuận của ngân hàng Việt Nam năm 2020 có xu hướng giảm so với năm 2019, với cả bốn chỉ số tăng trưởng thu nhập lãi thuần, tăng trưởng lãi thuần từ phí dịch vụ, tăng trưởng tổng lãi hoạt động, và tăng trưởng lợi nhuận trước thuế đều giảm. Đồng thời, kết quả này cũng cho thể thấy rằng, năm 2020 với sự ảnh hưởng của Covid-19, tăng trưởng tổng lãi hoạt động và tăng trưởng thu nhập lãi thuần giảm mạnh so với các năm trước.

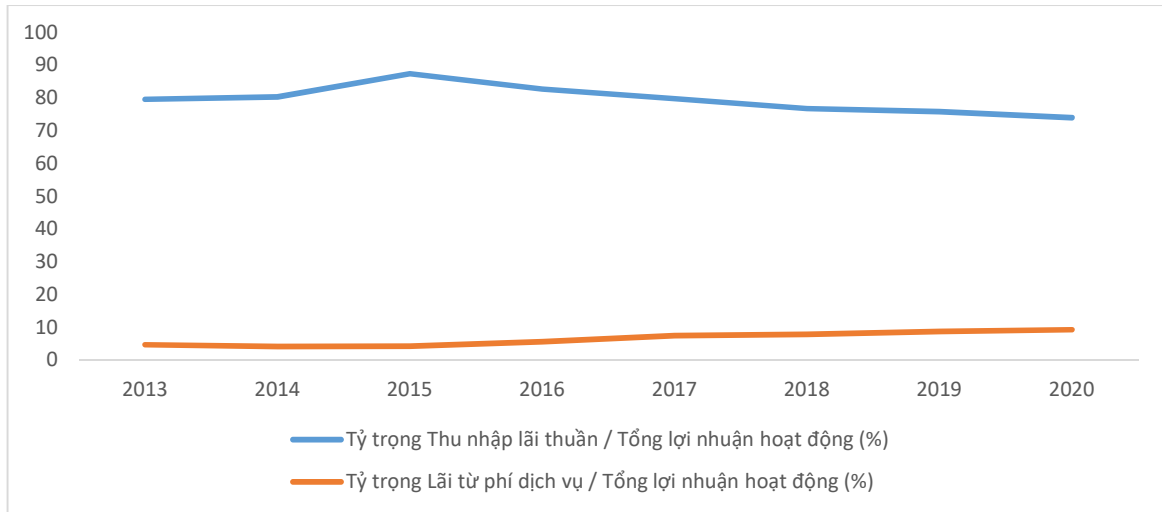
Hình 4. Tăng trưởng lợi nhuận của ngân hàng Việt Nam giai đoạn 2013-2020



Nguồn: Vietdata

Với tỷ trọng thu nhập lãi thuần trên tổng lợi nhuận hoạt động luôn chiếm phần lớn (Hình 2.2), sự sụt giảm mạnh của thu nhập lãi thuần cũng kéo theo sự sụt giảm mạnh của tổng lãi hoạt động. Hình 5 cũng cho thấy từ năm 2016 đến năm 2020, tỷ trọng lợi nhuận ngân hàng có sự thay đổi từ giảm dần thu nhập lãi thuần và tăng dần lãi từ phí dịch vụ. Hoạt động dịch vụ được ngân hàng chú trọng phát triển và tạo ra nhiều lợi nhuận cho ngân hàng hơn, đáp ứng xu hướng nhu cầu dịch vụ của khách hàng ngày càng đa dạng.

Hình 5. Tỷ trọng lợi nhuận hoạt động ngân hàng Việt Nam giai đoạn 2011-2020

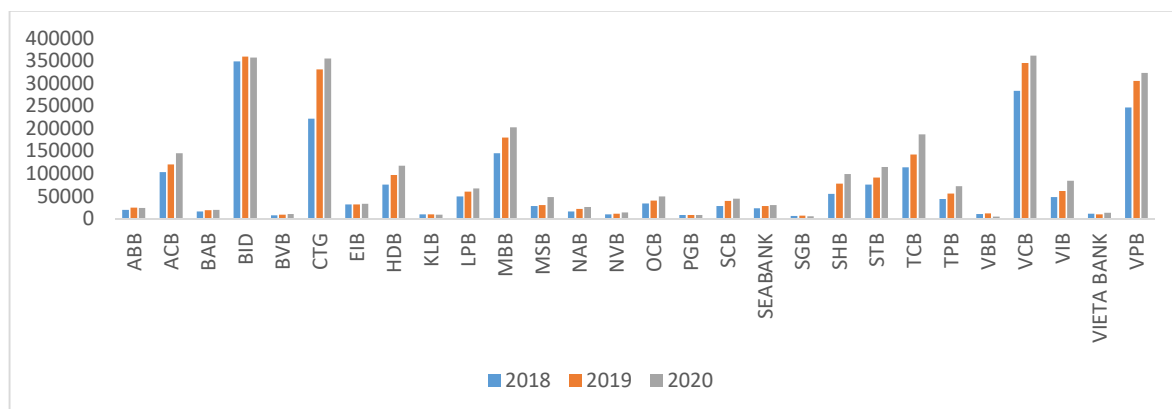


Nguồn: Vietdata

Hình 6 và Hình 7 cho thấy thu nhập và lợi nhuận của hầu hết các ngân hàng năm 2020 đều tăng về số tuyệt đối. Trong đó, nhóm ngân hàng có thu nhập ổn định và cao nhất: VCB, BID, CTG, VPB, MBB, TCB. Điển hình, VCB vừa duy trì tăng thu nhập vừa duy trì lợi nhuận trước thuế cao nhất trong tất cả các ngân hàng. Mặc dù, BID có thu nhập lãi thuần rất cao (đứng thứ 2 sau VCB), nhưng lợi nhuận trước thuế của BID bị giảm so với các ngân hàng có thu nhập lãi thuần thấp hơn như CTG, TCB, VPB, thậm chí lợi nhuận sau thuế của BID còn giảm so với năm trước. Điều này cho thấy hiệu quả quản trị chi phí của BID chưa thực sự tốt so với các ngân hàng khác. VPB là ngân hàng có lợi nhuận trước thuế và biên lãi ròng cao, nhưng đồng thời VPB là ngân hàng có tỷ lệ nợ xấu cao, chỉ sau KLB. Nhìn chung, năm 2020, tỷ lệ nợ xấu của hầu hết các ngân hàng đều tăng, đặc biệt KLB, VPB, BVB, EIB, MBB, ACB, SCB, BID tăng vọt, đây là vấn đề rất cần được chú ý.

Hình 6. Thu nhập lãi thuần của các ngân hàng Việt Nam năm 2020

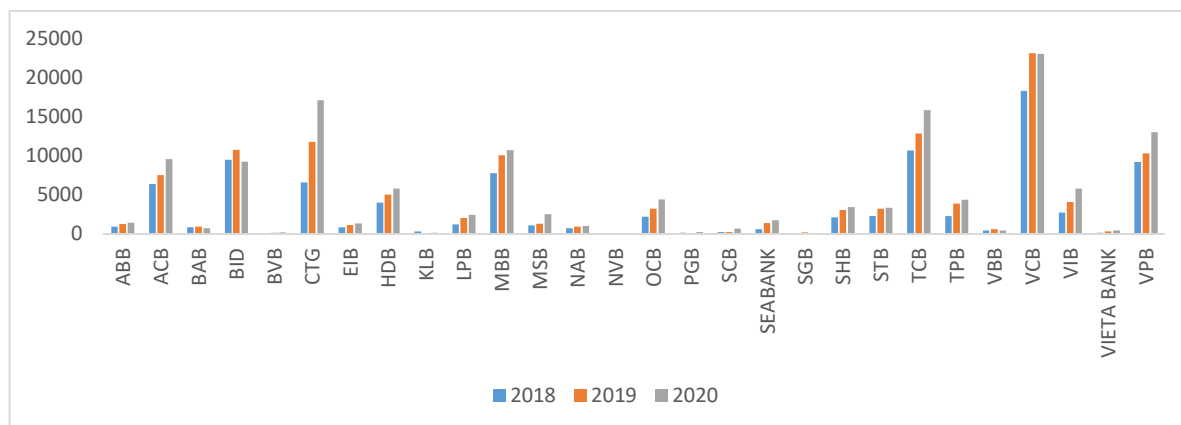
Đơn vị: tỷ đồng



Nguồn: Vietdata

Hình 7. Lợi nhuận trước thuế của các ngân hàng Việt Nam năm 2020

Đơn vị: tỷ đồng



Nguồn: Vietdata

2. ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ LÀNH MẠNH CỦA CÁC NGÂN HÀNG VIỆT NAM THEO KHUNG CAMELS

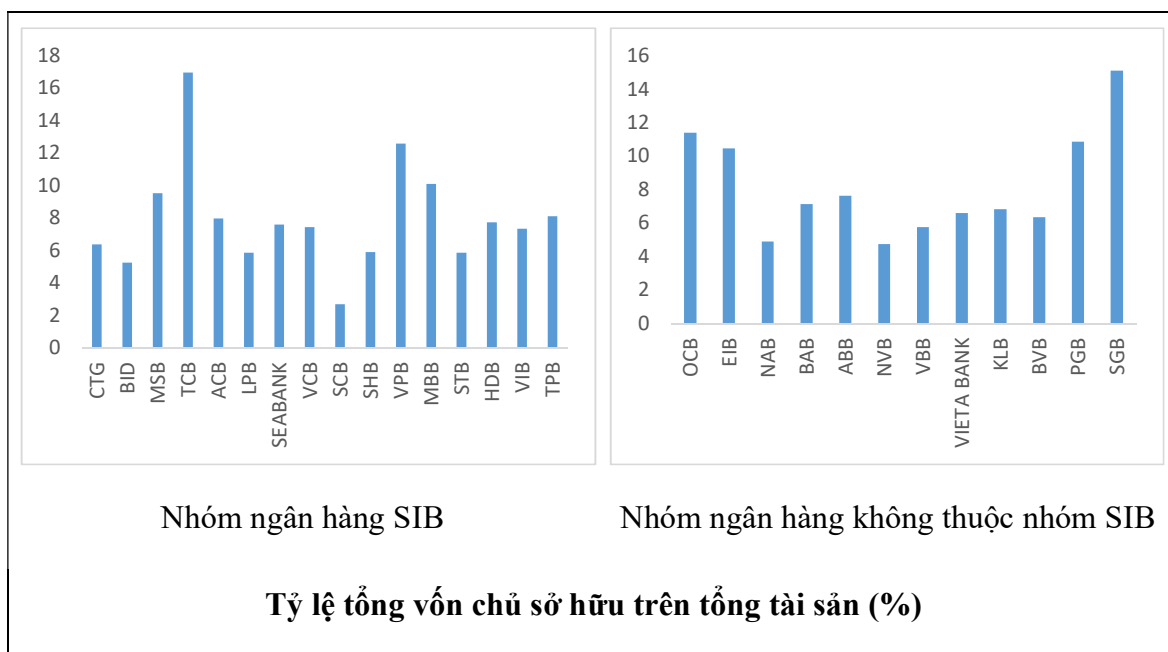
Việc xếp hạng các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo khung CAMELS đã được quy định tại Thông tư số 52 của Ngân hàng Nhà nước. Phần này

sử dụng khung CAMELS với năm nhóm chỉ tiêu bao gồm: (C) - An toàn vốn; (A) - Chất lượng tài sản; (M) - Quản trị; (E) - Sinh lời; (L) - Thanh khoản; (S) – Quy mô để đánh giá mức độ ổn định tài chính của các ngân hàng Việt Nam trong bối cảnh đại dịch Covid-19. Dữ liệu bao gồm 28 ngân hàng thương mại Việt Nam trong giai đoạn đã công bố báo cáo tài chính trong năm 2020, trong đó có 16 ngân hàng thuộc nhóm các ngân hàng có tầm quan trọng trong hệ thống.³

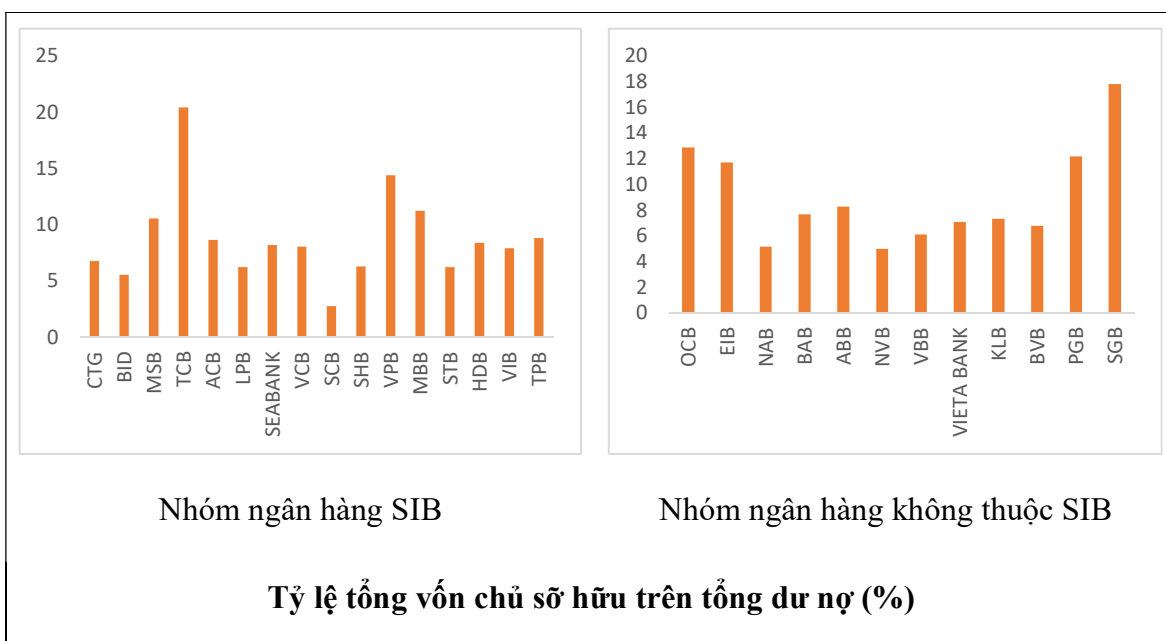
An toàn vốn

Khả năng an toàn vốn của hệ thống ngân hàng Việt Nam cần được chú ý nhiều hơn trong bối cảnh kinh tế vẫn còn đang bị ảnh hưởng bởi đại dịch. Tỷ lệ vốn chủ sở hữu trên tổng tài sản bình quân của các ngân hàng Việt Nam năm 2020 là hơn 8%. Tuy nhiên, 17 ngân hàng trong nhóm các ngân hàng có tầm quan trọng trong hệ thống (SIB) có tỷ lệ vốn chủ sở hữu trên tổng tài sản bình quân đạt 7,96%, thấp hơn so với các ngân hàng còn lại (bình quân 8,16%). Trong đó, SCB, một trong những SIB, lại có chỉ tiêu về an toàn vốn thấp, khi tỷ lệ vốn chủ sở hữu trên tổng tài sản của ngân hàng này chỉ đạt được 2,69%, thấp nhất trong nhóm SIB. Có một điểm lưu ý, SGB tuy nằm ngoài nhóm SIB nhưng lại có tỷ lệ an toàn vốn đứng thứ 2 trong toàn bộ các ngân hàng.

Hình 8. Các chỉ số an toàn vốn của ngân hàng Việt Nam năm 2020



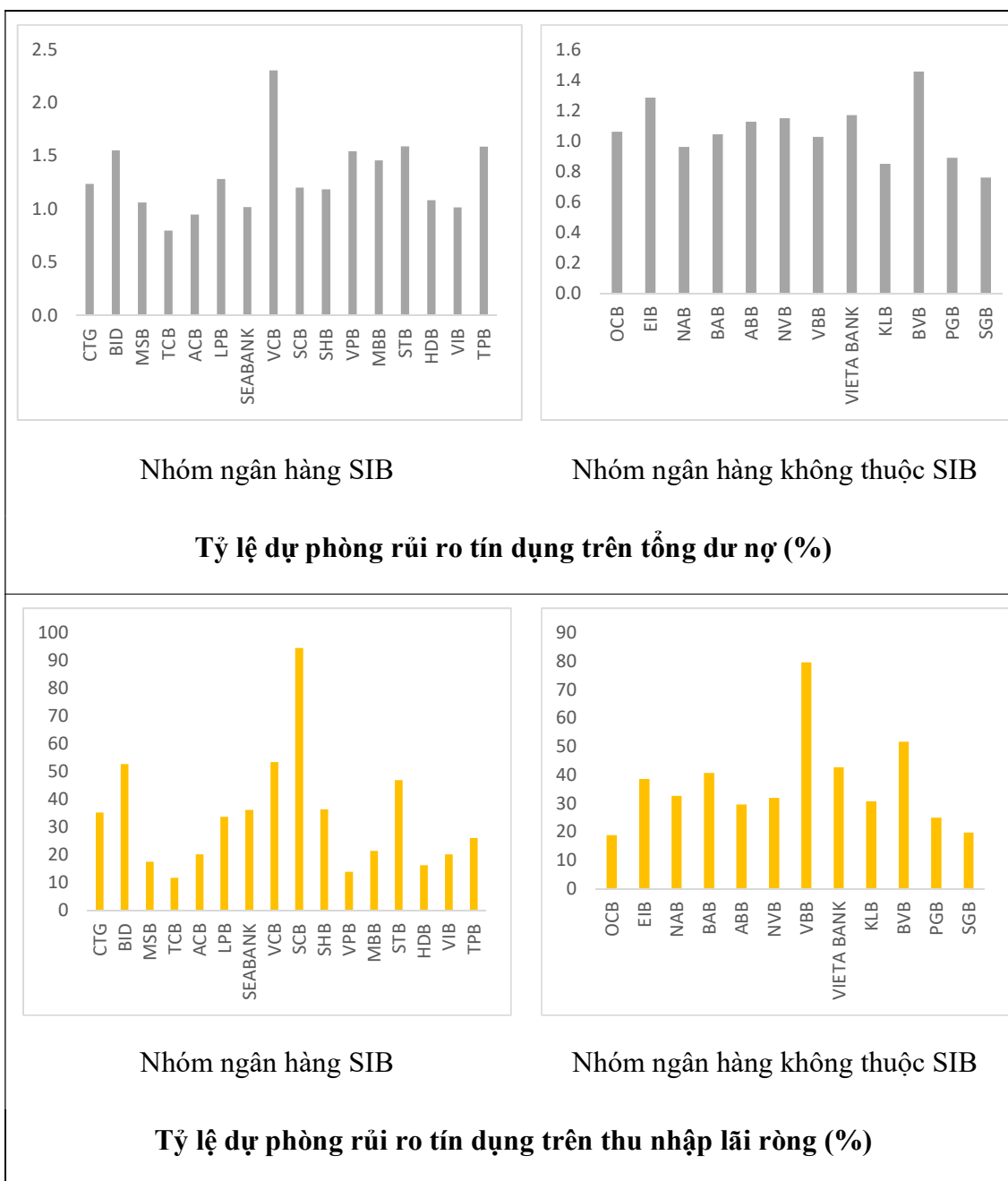
³Dữ liệu trong báo cáo này không bao gồm ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam

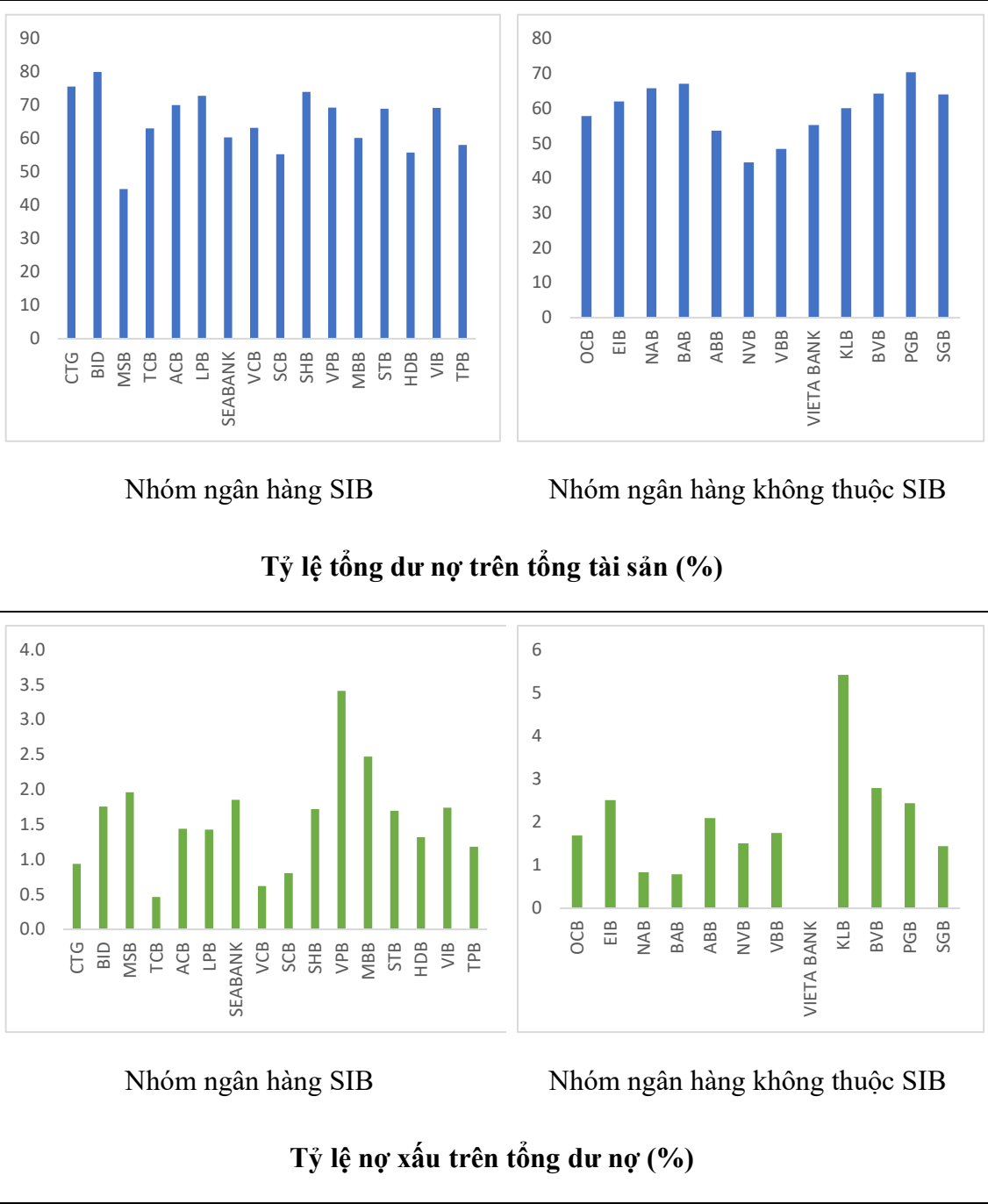


Chất lượng tài sản

Hình 9 cho thấy, năm 2020, tỷ lệ dư nợ trên tổng tài sản bình quân của ngân hàng Việt Nam đạt 62,28%, trong đó nhóm SIB là 65,12%, và nhóm các ngân hàng còn lại đạt 59,4%. Nhìn chung, năng lực cho vay của các ngân hàng thuộc nhóm SIB tốt hơn các ngân hàng còn lại, với bình quân tỷ lệ cho vay trên tổng tài sản của nhóm SIB năm 2020 cao hơn 5,68% các ngân hàng khác. Đối với chỉ tiêu nợ xấu, tỷ lệ nợ xấu bình quân của các ngân hàng Việt Nam là 1,83%, trong đó nhóm SIB là 1,55%, và các ngân hàng còn lại là 2,1%. Tuy có tỷ lệ nợ xấu thấp hơn, nhưng nhóm các ngân hàng SIB có chi phí dự phòng cao hơn so với các ngân hàng khác, khi tỷ lệ dự phòng cho vay trên tổng dư nợ bình quân của nhóm SIB là 1,3 %, và của các ngân hàng khác là 1,07%. Điều này cho thấy quan điểm thận trọng của các ngân hàng SIB trong việc trích lập dự phòng đối với nợ xấu. Ngoài ra, khoản thu nhập lãi phải được trích lập dự phòng cho các khoản nợ xấu của nhóm SIB thấp hơn nhóm các ngân hàng còn lại 3,28%. Điều này cho thấy, các ngân hàng thuộc nhóm SIB có khả năng sinh lời cao hơn các ngân hàng không thuộc SIB. Nhìn chung, năm 2020, các ngân hàng nhóm SIB có khả năng cho vay tốt hơn các ngân hàng còn lại, bao gồm cả về doanh số cho vay, quản lý nợ xấu, và chất lượng tài sản.

Hình 9. Các chỉ số về chất lượng tài sản ngân hàng năm 2020



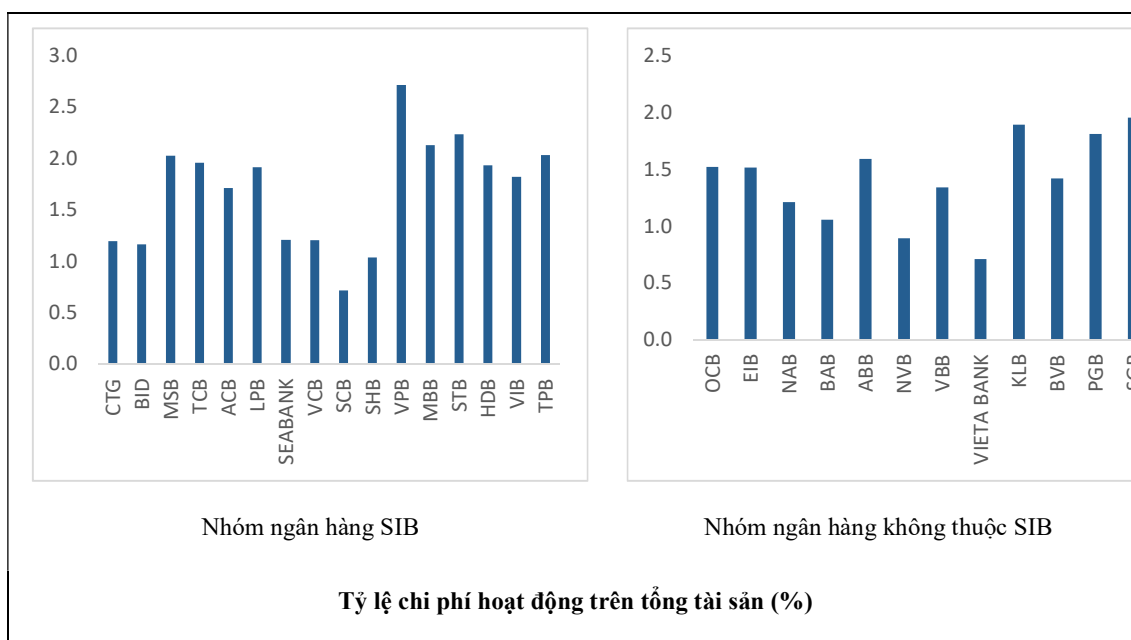


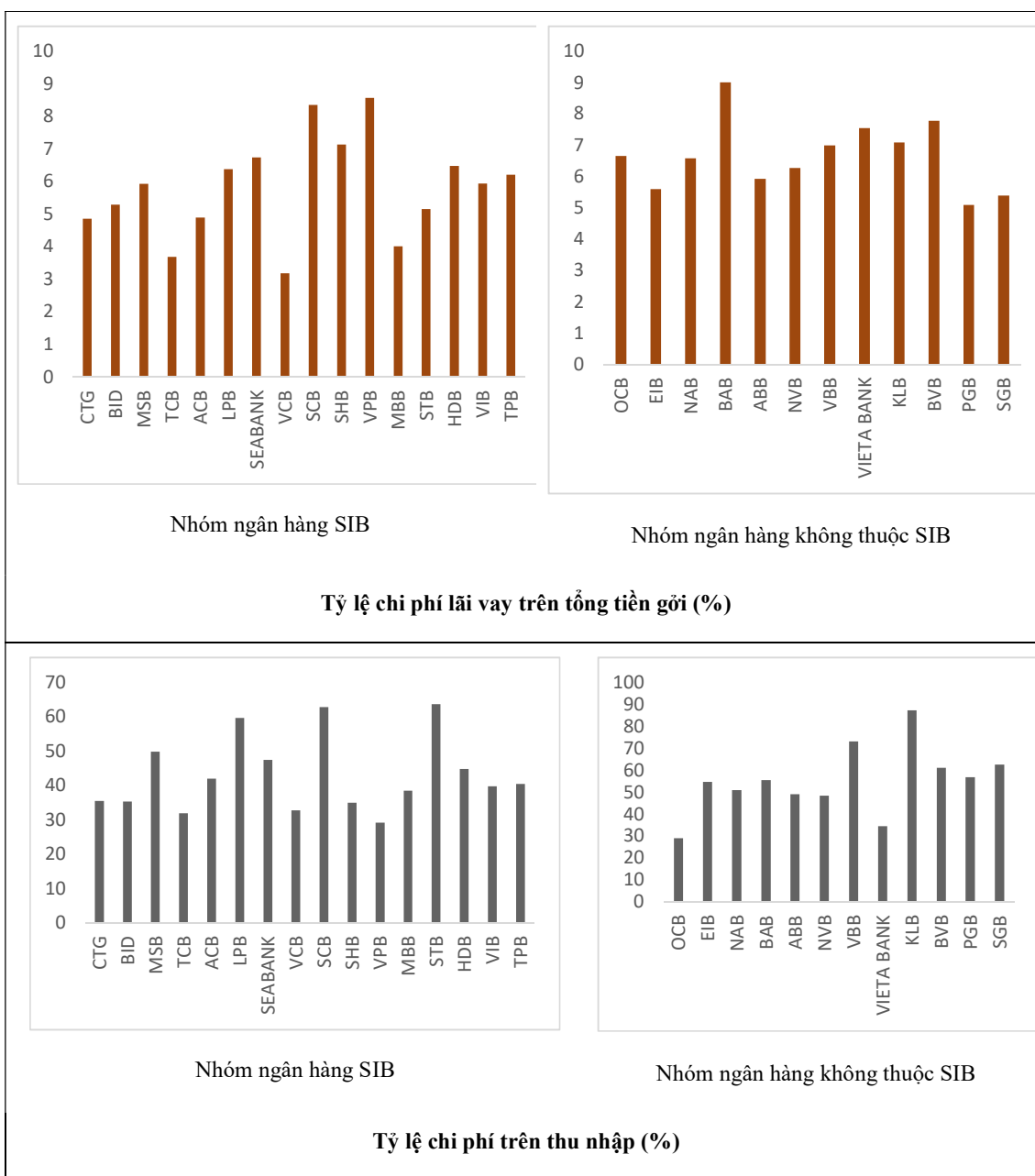
Chất lượng quản trị

Năm 2020, tổng chi phí trên thu nhập của hệ thống ngân hàng đạt 49,23%, trong đó nhóm các ngân hàng SIB đạt 43,08%, và nhóm các ngân hàng còn lại đạt 55,37%. Hiệu quả quản lý chi phí của nhóm các ngân hàng thuộc nhóm SIB tốt hơn nhiều so với các ngân hàng còn lại khi chi phí trên tổng thu nhập của SIB thấp hơn các ngân hàng khác 10,29%. Cụ thể, chi phí lãi vay trên tổng tiền gửi của ngân hàng thuộc nhóm SIB đạt

5,8%, thấp hơn 0,87% so với các ngân hàng còn lại. Tuy nhiên, chi phí hoạt động trên tổng tài sản của các ngân hàng SIB đạt 1,69% cao hơn so với các khác (1,41%). Từ số liệu trên, có thể thấy các ngân hàng SIB có khả năng quản trị chi phí tốt hơn các ngân hàng còn lại. Tuy nhiên, với quy mô lớn hơn nhiều nên khả năng quản trị chi phí hoạt động của các ngân hàng SIB vẫn còn nhiều bất cập và tốn chi phí hơn so với các ngân hàng khác. Trong đó, VPB là ngân hàng có chi phí hoạt động cao nhất hệ thống với tỷ lệ chi phí hoạt động trên tổng tài sản chiếm 2,72%. Mặc dù, SCB là ngân hàng có tầm đệm an toàn vốn thấp nhất trong hệ thống ngân hàng khi tỷ lệ vốn chủ sở hữu trên tổng tài sản chỉ đạt 2,69%, và tỷ lệ vốn trên tổng dư nợ chỉ đạt 2,77%. Nhưng khả năng quản trị tài sản và chi phí của SCB tương đối tốt, khi tỷ lệ nợ xấu trên tổng dư nợ, chi phí hoạt động trên tổng tài sản thấp trong hệ thống. Tuy nhiên, chi phí dự phòng rủi ro quá cao nên chi phí trên thu nhập của SCB tăng lên đáng kể.

Hình 10. Các chỉ số quản trị ngân hàng năm 2020



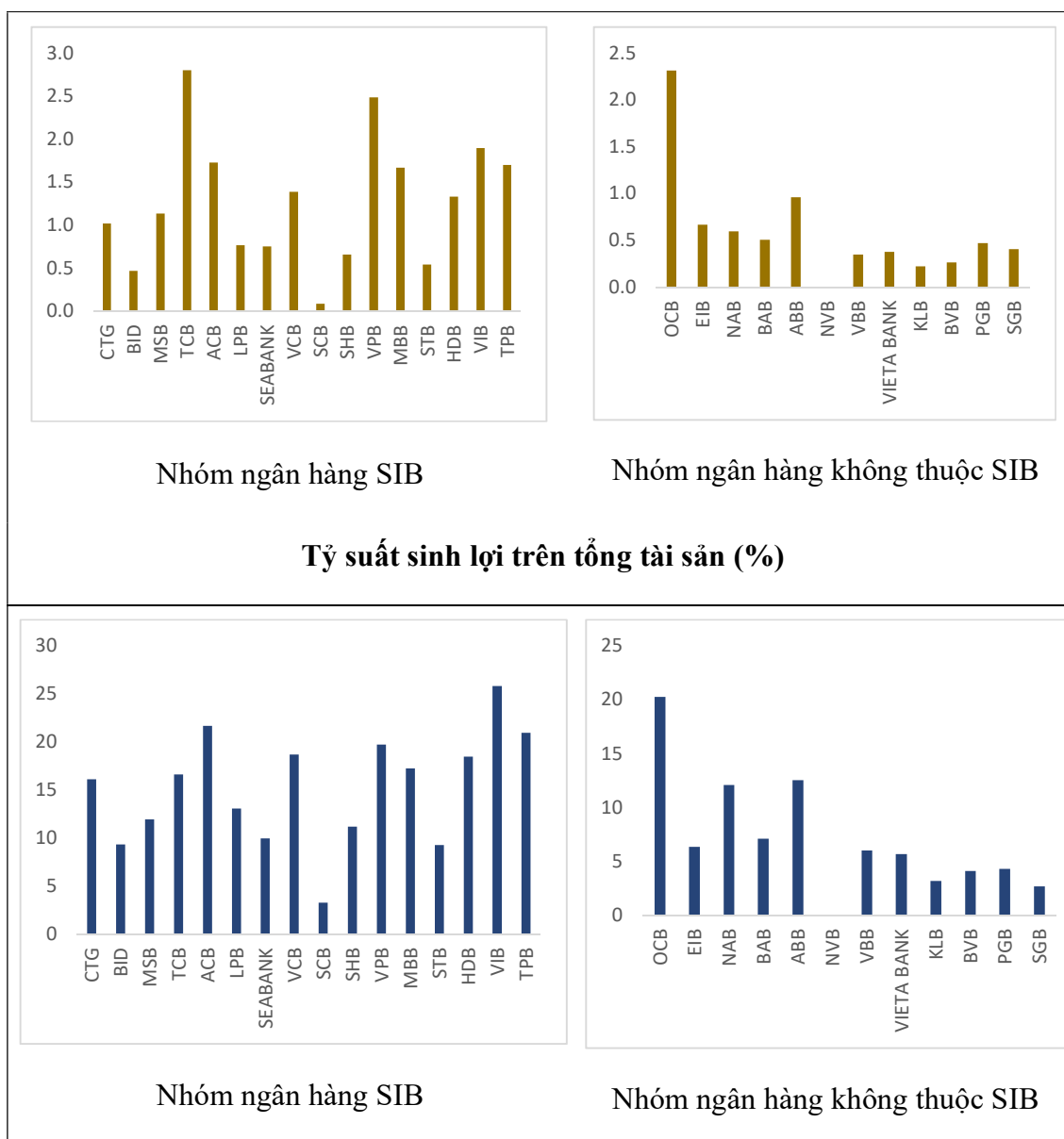


Khả năng sinh lời

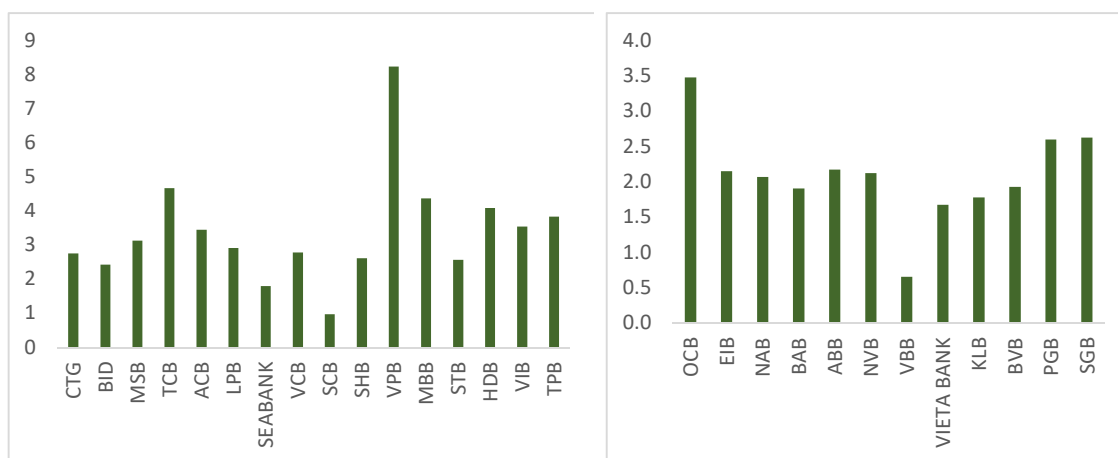
Năm 2020, bình quân tỷ lệ sinh lời trên tổng tài sản của hệ thống ngân hàng Việt Nam đạt 0,94%, trong đó, nhóm ngân hàng SIB đạt 1,28% và nhóm các ngân hàng còn lại đạt 0,59%. Tỷ suất sinh lợi trên vốn chủ sở hữu đạt 11,12%, trong đó nhóm SIB đạt 15,21% và nhóm các ngân hàng còn lại đạt 7,04%. Bên cạnh đó, biên lợi nhuận của hệ thống ngân hàng Việt Nam đạt 2,74%, trong đó các ngân hàng nhóm SIB đạt 3,38% và nhóm các ngân hàng còn lại đạt 2,1%. Nhìn chung, hiệu quả hoạt động kinh doanh của các

ngân hàng nhóm SIB tốt hơn nhóm các ngân hàng còn lại. Tuy nhiên, OCB tuy không thuộc nhóm SIB nhưng hiệu quả hoạt động kinh doanh của ngân hàng này rất tốt, với tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản đạt 2,3% cao hơn nhiều so với bình quân tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản của toàn hệ thống. Tương tự, tỷ suất sinh lợi trên vốn chủ sở hữu của OCB đạt 20,3% cao hơn nhiều so với bình quân của toàn hệ thống ngân hàng (11,12%). Đối với biên lợi nhuận cũng vậy, chỉ số biên lợi nhuận của OCB đạt 3,5% cao hơn mức 2,74% của toàn hệ thống. Trong khi đó, là ngân hàng thuộc nhóm SIB – SCB lại có hiệu quả hoạt động kinh doanh rất thấp, với biên lợi nhuận chỉ đạt 0,97%, và tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản chỉ đạt 0,09%.

Hình 11. Các chỉ số về khả năng sinh lời ngân hàng Việt Nam 2020



Tỷ suất sinh lợi trên vốn chủ sở hữu (%)



Nhóm ngân hàng SIB

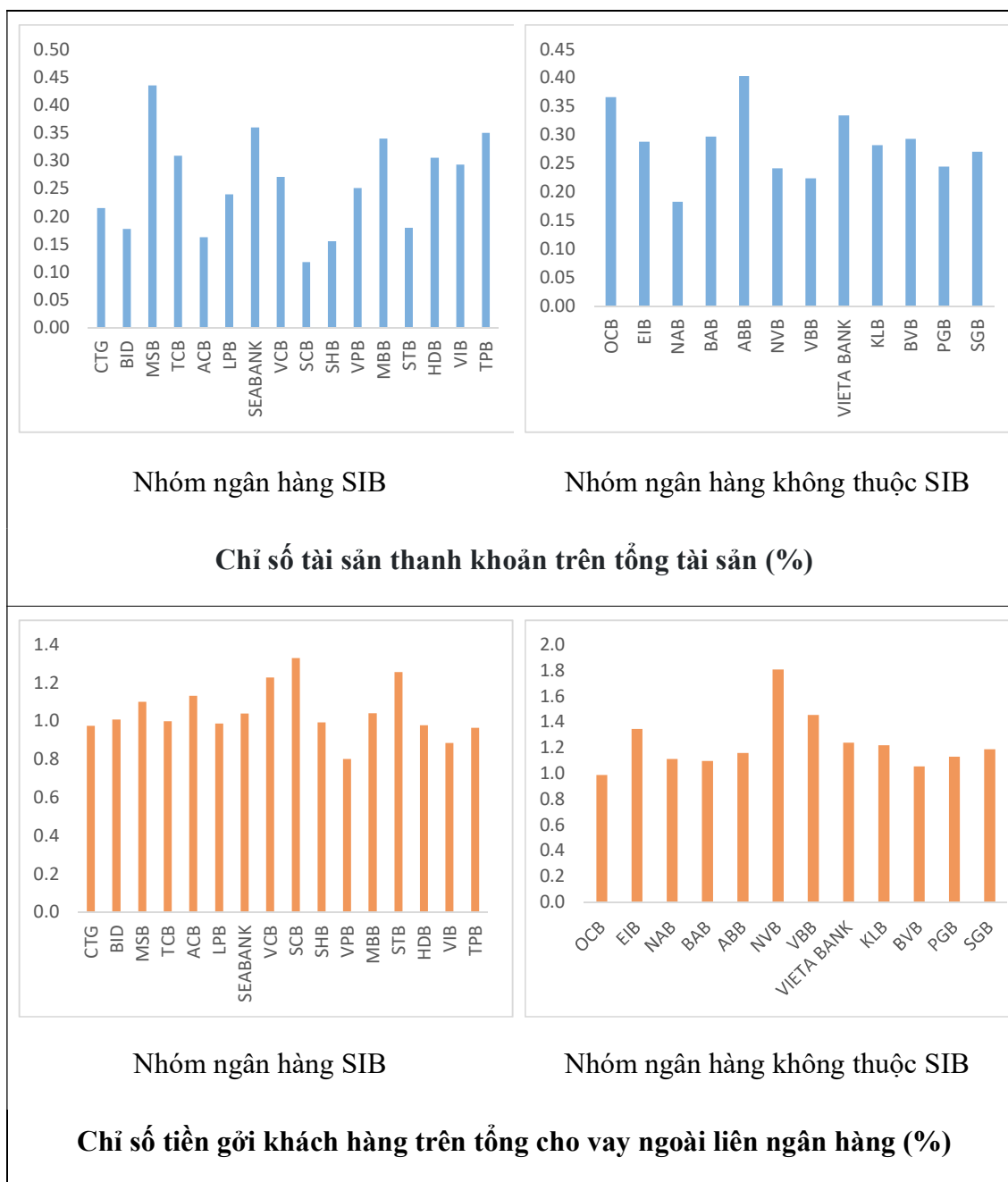
Nhóm ngân hàng không thuộc SIB

Chỉ số biên lợi nhuận (%)

Thanh khoản

Năm 2020, nhìn chung, khả năng thanh khoản của các ngân hàng thuộc nhóm SIB thấp hơn nhóm các ngân hàng còn lại. Cụ thể, tỷ lệ tài sản thanh khoản trên tổng tài sản bình quân của các ngân hàng nhóm SIB là 0,26%, thấp hơn nhóm các ngân hàng còn lại (0,29%). Tương tự, tỷ lệ tiền gửi khách hàng trên tổng cho vay ngoài liên ngân hàng bình quân của các ngân hàng thuộc nhóm SIB là 1,05%, thấp hơn nhóm các ngân hàng còn lại (1,23%). Việc giảm thanh khoản của nhóm SIB cho thấy các ngân hàng này đang tập trung vào các nhóm tài sản khác mang lại khả năng sinh lợi cao hơn. Nhưng việc sụt giảm tài sản thanh khoản cũng sẽ khiến các ngân hàng gia tăng rủi ro, đặc biệt khi xảy ra các cú sốc.

Hình 12. Các chỉ số về thanh khoản ngân hàng năm 2020

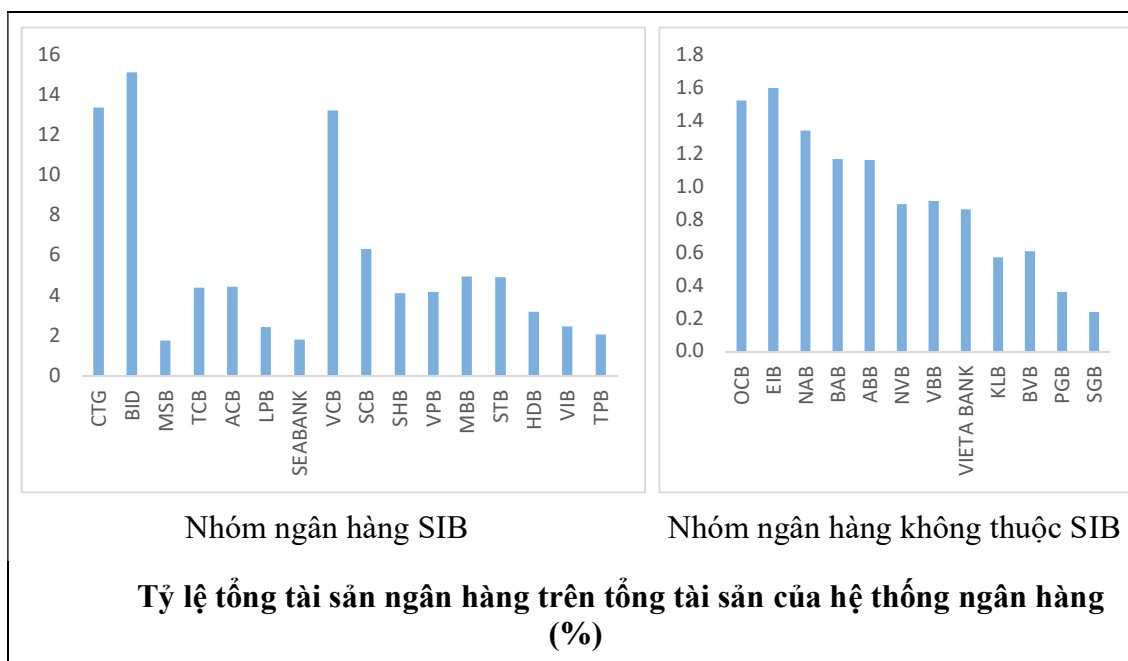


Quy mô

Quy mô của ngân hàng được thể hiện qua mức độ tập trung tài sản từng ngân hàng trong 28 ngân hàng, tỷ lệ tài sản từng ngân hàng/tổng tài sản 28 ngân hàng. Nhìn chung, các ngân hàng thuộc nhóm SIB có quy mô lớn nhất trong hệ thống, chiếm 94,3% tổng tài sản của toàn hệ thống. Trong đó ba ngân hàng có quy mô tài sản trên 1 triệu tỉ đồng đều

có vốn nhà nước và thấp nhất là MSB với quy mô tài sản hơn 176.000 tỉ đồng. Điều này cũng cho thấy có sự chênh lệch đáng kể về quy mô tài sản giữa các SIB.

Hình 13. Chỉ số về mức độ tập trung tài sản ngân hàng năm 2020



3. XẾP HẠNG CHUNG VỀ CÁC NGÂN HÀNG THEO KHUNG CAMELS

Kết quả xếp hạng mức độ lành mạnh của ngân hàng Việt Nam theo khung CAMELS trong năm 2020 ở Bảng 1 cho thấy:

BID và SCB là ngân hàng có tầm quan trọng hệ thống nhưng khả năng về vốn của những ngân hàng này thuộc nhóm thấp nhất trong 28 ngân hàng. Đồng thời, thanh khoản của BID cũng thấp, đứng thứ 25 trong số 28 ngân hàng được xếp hạng. Tuy nhiên, BID là ngân hàng có quy mô lớn nhất hệ thống và khả năng quản trị chi phí tốt (đứng thứ 3/28 ngân hàng). Đối với SCB, ngoài khả năng về an toàn vốn thấp (đứng chót bảng xếp hạng), khả năng thanh khoản của SCB cũng tương tự. Đồng thời, chất lượng tài sản của SCB cũng thấp khi đứng thứ 22/28 ngân hàng. Kết quả xếp hạng chung cho thấy, mức độ lành mạnh tài chính của SCB là thấp khi đứng thứ 26/28 ngân hàng, đây là một vấn đề cần lưu ý đối với SCB.

Tương tự với SCB, STB cũng thuộc nhóm SIB nhưng chất lượng tài sản, chất lượng quản trị chi phí của STB còn thấp, lần lượt đứng thứ 22 và 26/28 ngân hàng. Đồng thời,

kết quả xếp hạng chung theo khung CAMELS của STB là 24/28 ngân hàng. Vì thế SCB và STB là hai ngân hàng cần được chú ý.

Bên cạnh đó, một số ngân hàng còn lại trong nhóm SIB cũng có những vấn đề riêng cần chú ý. Như thanh khoản của CTG còn thấp, đứng thứ 27/28 ngân hàng. LPB cần chú ý đến việc quản trị chi phí và thanh khoản của mình. SHB có chỉ tiêu thanh khoản thấp nhất toàn hệ thống. VPB cần chú ý đến khả năng quản trị chi phí và thanh khoản.

Trong nhóm SIB, các ngân hàng TCB, ACB, VCB, là những ngân hàng có mức độ lành mạnh tài chính theo CAMELS ổn định và tốt nhất trong 28 ngân hàng.

Bảng 1. Bảng xếp hạng sức khỏe ngân hàng Việt Nam năm 2020 theo khung CAMELS

	C_RANK	A_RANK	M_RANK	E_RANK	L_RANK	S_RANK	Final RANK
CTG	20	7	2	10	27	2	6
BID	25	18	3	17	25	1	16
MSB	8	16	19	10	3	16	8
TCB	1	1	4	3	14	8	1
ACB	10	2	6	6	22	7	2
LPB	23	10	24	12	24	13	23
SEABANK	13	14	14	17	6	15	11
VCB	14	20	1	9	6	3	2
SCB	28	22	19	28	19	4	26
SHB	21	12	6	14	28	10	18
VPB	3	13	23	1	26	9	9
MBB	7	22	10	7	9	5	5
STB	22	22	26	16	16	6	24
HDB	11	9	18	8	20	11	10
VIB	15	5	11	2	23	12	6
TPB	9	17	17	4	18	14	11
OCB	4	11	9	4	13	18	4
EIB	6	26	12	17	4	17	14
NAB	26	4	16	15	21	19	21
BAB	16	7	19	21	11	20	19
ABB	12	21	12	13	1	21	13
NVB	27	18	6	26	5	23	22
VBB	24	25	25	25	9	22	27
VIETA BANK	18	27	5	23	2	24	20
KLB	17	14	28	27	6	26	25
BVB	19	28	26	23	14	25	28
PGB	5	6	15	20	17	27	17
SGB	2	3	22	22	11	28	15

Đối với các ngân hàng không thuộc nhóm SIB, đây cũng là các ngân hàng có mức độ lành mạnh tài chính. Trong đó, thấp nhất là ngân hàng BVB, VBB, và KLB, với xếp hạng lần lượt là 28, 27, 25/28 ngân hàng. Cụ thể:

- BVB có bốn chỉ tiêu: (1) Chất lượng tài sản, (2) quản trị chi phí, (3) khả năng sinh lời, (4) và quy mô đều thuộc nhóm 5 ngân hàng thấp nhất trong toàn hệ thống.
- Tương tự, VBB cũng có 4 chỉ tiêu: (1) an toàn vốn vốn, (2) chất lượng tài sản, (3) quản trị chi phí, (4) và khả năng sinh lời đều thuộc nhóm 5 ngân hàng thấp nhất hệ thống.
- KLB cần chú ý nhiều hơn về quản trị chi phí và sinh lời.

Tuy nhiên, trong các ngân hàng không thuộc nhóm SIB, ngân hàng OCB là ngân hàng có xếp hạng mức độ lành mạnh tài chính cao, với mức xếp hạng chung đứng thứ 4/28 ngân hàng. Trong đó, các chỉ tiêu về an toàn vốn vốn và khả năng sinh lời là khá tốt.

4. KẾT LUẬN

Trong một năm có nhiều biến động, tình hình hoạt động của ngân hàng Việt Nam cũng bị ảnh hưởng, tăng trưởng lợi nhuận giảm, NIM và ROE của các ngân hàng trong năm 2020 giảm so với năm 2019. Mặc dù tăng trưởng tín dụng giảm nhưng tỷ lệ nợ xấu của các ngân hàng lại tăng. Việc gia tăng nợ xấu và thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ cho khách hàng sẽ đặt ra các thách thức cho ngân hàng như phải tăng chi phí trích lập dự phòng trong tương lai. Đồng thời, ngân hàng cũng gặp khó khăn trong việc tăng vốn nhằm đảm bảo các tỷ lệ an toàn trong bối cảnh đại dịch Covid-19. Cụ thể, tốc độ tăng trưởng tổng tài sản và tăng trưởng vốn chủ sở hữu của ngân hàng Việt Nam trong năm 2020 đều giảm.

Mặc dù gặp nhưng khó khăn trong năm 2020, mức độ lành mạnh tài chính của các ngân hàng thuộc nhóm SIB nhìn chung vẫn đảm bảo. Trong đó các ngân hàng ACB, TCB, OCB, MBB, và VCB là những ngân hàng có mức độ lành mạnh tài chính ổn định và tốt nhất trong toàn hệ thống. Tuy nhiên, một số ngân hàng cần được chú ý như: BVB, VBB, KLB, SCB, STB, đây là nhóm các ngân hàng có mức

độ lành mạnh tài chính thấp nhất hệ thống. Đối với các ngân hàng không thuộc nhóm SIB, nhìn chung mức độ lành mạnh tài chính của nhóm này thấp hơn các ngân hàng thuộc nhóm SIB, ngoại trừ trường hợp ngân hàng OCB.